

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 3 - 2022.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Minh Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh và bà Phạm Thị Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/02/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn Đ P, xã B L, huyện T K, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Ngọc Thành C**, sinh năm 1986; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn Đ P, xã B L, huyện T K, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1959, địa chỉ: Thôn Đ P, xã B L, huyện T K, tỉnh Hải Dương

Chị H, anh C và bà H1 đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Phạm Thị H trình bày:* Chị và anh Nguyễn Ngọc Thành C tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B L, huyện T K, tỉnh Hải Dương vào ngày 26/10/2010 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với gia đình chồng và đều làm lao động tự do tại địa phương. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, cuộc sống bấp bênh, anh C không tu chí làm ăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Năm 2016 chị đi lao động tại Đài Loan, sau đó chị được biết anh C cũng xuất khẩu đi lao động tại Đài Loan năm 2017, hai người làm việc và sinh sống mỗi người một nơi, không liên

lạc gọi điện cho nhau, từ đó chúng tôi không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Cuối năm 2018 chị về nước và thông qua gia đình anh C, chị được biết anh C hiện vẫn đang sinh sống và lao động tại Đài Loan đến nay chưa về Việt Nam. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Như S (tên gọi khác: Nguyễn Cao S), sinh ngày 21/8/2012, hiện đang ở với gia đình anh C, do anh C đi làm ăn xa nên đang nhờ ông bà nội chăm sóc nuôi dưỡng vẫn đảm bảo cuộc sống, anh C thường xuyên quan tâm, gửi tiền về nuôi con, nguyện vọng cháu S mong muốn được ở với bố. Quan điểm của anh C xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng, chị hoàn toàn nhất trí để anh C tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, vay nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh C tại Đài Loan vì anh C không cho chị biết địa chỉ.

- Bà Nguyễn Thị H1 là mẹ đẻ anh C trình bày: Anh C và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B L, huyện T K, tỉnh Hải Dương vào năm 2010 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới, vợ chồng tổ chức cuộc sống vui vẻ, hòa thuận được một thời gian cho đến năm 2016 và năm 2017 thì anh chị đi lao động tại Đài Loan gửi con lại cho gia đình bà chăm sóc. Cuối năm 2018 chị H về nước, nay cũng không ở cùng với gia đình bà, còn anh C hiện tại vẫn đang sinh sống tại Đài Loan chưa về Việt Nam. Sau khi nhận thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, bà đã thông báo qua điện thoại cho anh C biết về việc chị H làm đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Anh C không cung cấp cho gia đình biết địa chỉ cụ thể, nay chưa thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn được và không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tuy nhiên, qua điện thoại anh C có quan điểm vợ chồng xa cách đã nhiều năm, không còn có sự quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng mờ nhạt, không muốn quay về chung sống với chị H, đề nghị Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; về con chung anh C xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con và nhờ gia đình tôi trông nom cho đến khi anh C về nước; về tài sản chung vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại công văn số 28528/QLXNC-P5 ngày 24/11/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định anh Nguyễn Ngọc Thành C, sinh ngày 04/7/1986, CMND số 030086000546, khai địa chỉ thường trú tại: Thôn Đ P, xã B L, huyện T K, tỉnh Hải Dương, có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần (03 lượt), lần cuối xuất cảnh ngày 12/10/2018 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số C3692634, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tổ tụng của những người tiến hành tổ tụng và người

tham gia tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc Thành C; Về con chung: Giao anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Như S (tên gọi khác: Nguyễn Cao S), sinh ngày 21/8/2012 cho đến khi con trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung; tạm giao cháu S cho bà Nguyễn Thị H1 (mẹ đẻ anh C) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh C về Việt Nam trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

Anh Nguyễn Ngọc Thành C là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ, tuy nhiên anh C vẫn thường xuyên liên lạc với người thân ở trong nước. Tòa án đã yêu cầu chị H và bà H1 (mẹ đẻ anh C) cung cấp địa chỉ của anh C nhưng không cung cấp được nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh C vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh C, chị H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B L, huyện T K, tỉnh Hải Dương vào ngày 26/10/2010. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng không bảo ban được nhau dẫn đến cãi chửi nhau. Năm 2016, chị H đi lao động tại Đài Loan, sau đó anh C cũng đi lao động tại Đài Loan từ năm 2017, anh chị gửi con lại nhờ ông bà nội trông nom, chăm sóc. Cuối năm 2018 chị H về nước nhưng không về sinh sống cùng với con và gia đình anh C, còn anh C vẫn tiếp tục làm việc và sinh sống tại Đài Loan cho đến nay vẫn chưa về Việt Nam. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, cả hai đều không liên lạc và quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C. Thông qua gia đình, anh C có quan điểm vợ chồng xa cách đã nhiều năm không còn có sự quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn muốn về chung sống với chị H nên nhất trí ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt

được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử cho chị Huyền được ly hôn anh Công là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Như S (tên gọi khác: Nguyễn Cao S), sinh ngày 21/8/2012, hiện đang do gia đình anh C chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh C có quan điểm xin được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị H đóng góp tiền nuôi con, cháu S có nguyện vọng được ở với bố, chị H cũng nhất trí để anh C tiếp tục được nuôi dưỡng con chung sau khi vợ chồng ly hôn. Do anh C đang ở nước ngoài nên tiếp tục nhờ bố mẹ đẻ thay anh C chăm sóc, nuôi dưỡng cháu S cho đến khi anh về nước. Xét hai bên đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung nên cần chấp nhận giao con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Tạm giao cháu S cho bà Nguyễn Thị H1 (mẹ đẻ anh C) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh C về Việt Nam trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc Thành C.

2. Về con chung: Giao anh C tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Như S (tên gọi khác: Nguyễn Cao S), sinh ngày 21/8/2012, cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu S cho bà Nguyễn Thị H1 (mẹ đẻ anh C) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh C về Việt Nam trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2020/0004585 ngày 04/11/2021. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H và bà H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh C đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã B L, huyện T K, tỉnh Hải Dương (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mạc Minh Quang